TAND THÀNH PHỐ LAI CHÂU **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 116/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Lai Châu, ngày 29 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 140/2018/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ 12, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ 12, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83,107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bảnghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình C.

2. Công nhậnsự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình C đều thuận tình ly hôn.

- **Việc nuôi con:** Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình C có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 21/3/2007 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/3/2016, chị T và anh C thỏa thuận như sau:

+ Chị Trần Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên là cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 21/3/2007 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/3/2016 cho đến khi 02 con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Nguyễn Đình C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/3/2016 cụ thể như sau:

Mức cấp dưỡng: Cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Bảo N với số tiền là 2.000.000 đồng/01 tháng (*Hai triệu đồng/01 tháng*).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 15/12/2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Đình C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án, anh C chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình C mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, anh C phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T tự nguyện nộp thay anh C số tiền trên mà anh C phải nộp. Tổng cộng chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng. Xác nhận chị Trần Thị T đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/0003622 ngày 06/111/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường Đoàn Kết, Tp Lai Châu, tỉnh Lai Châu;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP Lai Châu;
- Chi cục THA dân sự TP Lai Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Đức Long